



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3413.1928>

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO TRẺ MẪU GIÁO Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

Nguyễn Quốc Vũ¹ và Mai Thanh Bảo Châu^{2*}

¹Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: maithanhbaochau90@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 28/4/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 12/5/2026; Ngày duyệt đăng: 15/5/2026

Tóm tắt

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non trên địa bàn phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi với thang đo Likert 5 mức độ kết hợp phương pháp thống kê toán học để xử lý dữ liệu. Khách thể khảo sát gồm 191 người, bao gồm 23 cán bộ quản lý và 168 giáo viên tại 10 trường mầm non công lập trên địa bàn nghiên cứu. Nội dung khảo sát tập trung vào công tác quản lý mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục kỹ năng sống; quản lý đội ngũ; công tác kiểm tra, đánh giá; cùng các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục kỹ năng sống. Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống tại các trường mầm non đã được triển khai tương đối đồng bộ và đạt nhiều kết quả tích cực. Các trường mầm non đã quan tâm đến việc tuyên truyền, chỉ đạo lồng ghép giáo dục kỹ năng sống trong các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ; tăng cường kiểm tra, đánh giá và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện. Tuy nhiên, một số nội dung như công tác bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, tổ chức hoạt động trải nghiệm thực tế, khai thác thiết bị dạy học và phối hợp giữa các lực lượng giáo dục vẫn còn những hạn chế nhất định. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất sự cần thiết phải tiếp tục đổi mới công tác quản lý, nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và tăng cường các điều kiện hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Từ khóa: Giáo dục kỹ năng sống, phường Gò Dầu, quản lý hoạt động, trẻ mẫu giáo.

Trích dẫn: Nguyễn, Q. V., & Mai, T. B. C. (2026). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non trên địa bàn phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(02S), 136-150. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3413.1928>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

THE CURRENT SITUATION OF MANAGING LIFE SKILLS EDUCATION ACTIVITIES FOR PRESCHOOL CHILDREN IN KINDERGARTENS IN GO DAU WARD, TAY NINH PROVINCE

Nguyen Quoc Vu¹ và Mai Thanh Bao Chau^{2*}

¹*Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

**Corresponding author, Email: maithanhbaochau90@gmail.com*

Article history

Received: 28/4/2026; Received in revised form: 12/5/2026; Accepted: 15/5/2026

Abstract

This study assesses the current management of life skills education activities for preschool children in kindergartens in Go Dau ward, Tay Ninh province. A questionnaire survey with a 5-point Likert scale was combined with mathematical statistics to process the data. The survey subjects included 191 people of 23 administrators and 168 teachers at 10 public kindergartens in the study area. The survey focused on the management of objectives, content, methods, and forms of life skills education; staff management; inspection and evaluation; and the conditions ensuring the effectiveness of life skills education activities. The research results show that the management of life skills education activities in kindergartens has been implemented relatively synchronously and achieved many positive results. Kindergartens have paid attention to promoting and integrating life skills education into childcare and educational activities. It is crucial to strengthen inspection, evaluation, and build a safe and friendly educational environment. However, some aspects, such as professional development for teachers, organizing practical experiential activities, utilizing teaching equipment, and coordination among educational stakeholders, still have certain limitations. Thereby, it proposes the necessity of continuing to innovate management practices, improve the capacity of the teaching staff, and enhance support conditions to improve the effectiveness of life skills education for preschool children in the context of current educational reforms.

Keywords: *Activity management, Go Dau ward, life skills education, preschool children.*

1. Giới thiệu

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành những nền tảng ban đầu về nhân cách, thể chất, trí tuệ, tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ em. Đây được xem là giai đoạn “vàng” trong sự phát triển của con người, bởi những tác động giáo dục ở lứa tuổi này có ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài đến quá trình trưởng thành của trẻ. Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục hiện nay, mục tiêu giáo dục không chỉ dừng lại ở việc trang bị kiến thức mà còn hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực và kỹ năng sống cho người học ngay từ những năm đầu đời. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã nhấn mạnh yêu cầu đổi mới nội dung và chương trình giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, trong đó đặc biệt chú trọng năng lực thích ứng, kỹ năng sống và kỹ năng xã hội (Ban Chấp hành Trung ương, 2013). Tiếp đó, Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tiếp tục khẳng định quan điểm chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học (Thủ tướng Chính phủ, 2024).

Cùng với các chủ trương đổi mới giáo dục, hệ thống văn bản pháp luật hiện hành cũng đặc biệt nhấn mạnh vai trò của giáo dục kỹ năng sống (GDKNS) đối với trẻ em. Luật Giáo dục năm 2019 quy định giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ và thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một (Quốc hội, 2019). Luật Trẻ em năm 2016 cũng khẳng định trẻ em có quyền được giáo dục để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân; đồng thời yêu cầu chương trình giáo dục phải chú trọng phát triển nhân cách và kỹ năng sống cho trẻ em (Quốc hội, 2016). Đặc biệt, Chương trình giáo dục mầm non ban hành theo Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT đã xác định GDKNS là một nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Điều này cho thấy GDKNS không chỉ là yêu cầu của thực tiễn xã hội mà còn là nhiệm vụ chính thức của giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

Trên bình diện quốc tế, khái niệm kỹ năng sống được nhiều tổ chức quan tâm nghiên cứu và phát triển. Chương trình GDKNS do Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc triển khai từ năm 1996 đã xem kỹ năng sống là những kỹ năng cốt lõi giúp cá nhân thích ứng tích cực và hiệu quả với các yêu cầu và thách thức của cuộc sống (UNICEF, 1996). Tổ chức Y tế thế giới cũng xác định kỹ năng sống là năng lực tâm lý - xã hội giúp con người đưa ra quyết định đúng đắn, giao tiếp hiệu quả, giải quyết vấn đề và ứng phó tích cực với các tình huống trong cuộc sống (WHO, 1997). Trên cơ sở đó, GDKNS ngày càng được xem là một thành tố quan trọng trong giáo dục toàn diện ở nhiều quốc gia.

Tại Việt Nam, GDKNS đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu ở các cấp học khác nhau. Nguyễn (2006, 2007) đã làm rõ cơ sở lý luận và vai trò của GDKNS trong nhà trường, đồng thời đề xuất định hướng tích hợp GDKNS trong đào tạo giáo viên (GV). Lục (2009) nhấn mạnh vai trò của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp trong việc hình thành kỹ năng sống cho học sinh tiểu học. Đối với giáo dục mầm non, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010) đã tích hợp nội dung kỹ năng sống trong Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi nhằm giúp trẻ hình thành các kỹ năng tự phục vụ, giao tiếp, hợp tác và ứng xử phù hợp trong cuộc sống hằng ngày. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào nội dung, phương pháp GDKNS hoặc tích hợp trong các hoạt động giáo dục, trong khi các nghiên cứu về tổ chức và quản lý hoạt động GDKNS cho trẻ mẫu giáo ở các cơ sở giáo dục mầm non còn tương đối hạn chế.

Tại Phường Gò Dầu, cùng với quá trình đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội, nhu

cầu chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non ngày càng được phụ huynh và cộng đồng quan tâm. Các trường mầm non trên địa bàn đã bước đầu chú trọng lồng ghép GDKNS thông qua các hoạt động học tập, vui chơi và trải nghiệm thực tế cho trẻ. Tuy nhiên, khảo sát thực tiễn cho thấy hoạt động GDKNS ở một số cơ sở giáo dục mầm non vẫn còn mang tính hình thức; nội dung và phương pháp tổ chức chưa thật sự phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ và điều kiện địa phương. Công tác quản lý hoạt động GDKNS còn thiếu tính hệ thống; việc lập kế hoạch, kiểm tra, đánh giá và phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng chưa thật sự hiệu quả. Bên cạnh đó, một bộ phận GV còn gặp khó khăn trong việc lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức GDKNS phù hợp cho trẻ mẫu giáo.

Xuất phát từ những yêu cầu lý luận và thực tiễn nêu trên, nghiên cứu “Thực trạng quản lý hoạt động GDKNS cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non trên địa bàn phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh” được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng tổ chức hoạt động GDKNS cho trẻ mẫu giáo, từ đó làm cơ sở đề xuất các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng GDKNS cho trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non tại địa phương hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mục đích và nội dung khảo sát

Khảo sát được thực hiện nhằm thu thập thông tin khách quan, toàn diện về thực trạng quản lý hoạt động GDKNS cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non trên địa bàn phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Kết quả khảo sát là cơ sở để phân tích những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, từ đó làm cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp và khả thi.

2.2. Khách thể khảo sát

Khách thể khảo sát gồm 191 người tại 10 trường mầm non công lập trên địa bàn phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, bao gồm 23 cán bộ quản lý (CBQL), 168 GV. Tất cả phiếu khảo sát phát ra đều được thu hồi và hợp lệ.

2.3. Công cụ khảo sát và cách thức xử lý số liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Bảng hỏi được xây dựng nhằm thu thập thông tin về nhận thức, mức độ thực hiện và hiệu quả quản lý hoạt động GDKNS cho trẻ mẫu giáo thang đo Likert 5 mức độ.

Dữ liệu sau khi thu thập được kiểm tra, mã hóa và xử lý bằng phương pháp thống kê toán học. Các chỉ số được sử dụng gồm tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình, so sánh và đánh giá các nội dung nghiên cứu. Kết quả được trình bày dưới dạng bảng biểu và diễn giải nhằm bảo đảm tính khách quan và độ tin cậy của nghiên cứu.

2.4. Quy ước các thang đo

- Thang đo Likert 5 mức độ được quy ước như sau:

Mức 1: Rất không đồng ý/Rất không cần thiết/Rất không thường xuyên;

Mức 2: Không đồng ý/Không cần thiết/Không thường xuyên;

Mức 3: Bình thường/Thỉnh thoảng;

Mức 4: Đồng ý/Cần thiết/Thường xuyên;

Mức 5: Rất đồng ý/Rất cần thiết/Rất thường xuyên.

- Giá trị trung bình được quy ước theo các mức:

1,0 ≤ ĐTB ≤ 1,8: Rất thấp;

- 1,8 < ĐTB ≤ 2,6: Thấp;
 2,6 < ĐTB ≤ 3,4: Trung bình;
 3,4 < ĐTB ≤ 4,2: Cao;
 4,2 < ĐTB ≤ 5,0: Rất cao.

3. Kết quả đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non trên địa bàn Phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

3.1. Thực trạng quản lý thực hiện mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non trên địa bàn Phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Bảng 1. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về công tác quản lý thực hiện mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo

Nội dung thực hiện	Ý kiến đánh giá (%)								ĐTB	
	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu			
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV
Tuyên truyền, phổ biến tới CBQL, GV, phụ huynh về chủ trương, văn bản chỉ đạo của các cấp về GDKNS	47,8	39,3	34,8	40,5	13,0	16,1	4,4	4,1	3,3	3,2
Giúp CBQL, GV, phụ huynh hiểu rõ tầm quan trọng của công tác GDKNS cho trẻ mẫu giáo, trách nhiệm của mỗi thành viên trong công tác này	43,5	37,5	39,1	41,7	13,0	17,3	4,4	3,5	3,2	3,1
Phổ biến mục tiêu GDKNS đến CBQL, GV, phụ huynh	39,1	35,1	39,1	40,5	17,4	19,0	4,4	5,4	3,1	3,1

Kết quả khảo sát cho thấy công tác tuyên truyền, phổ biến về GDKNS cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non đã được quan tâm thực hiện. Phần lớn CBQL và GV đánh giá các nội dung này ở mức tốt và khá, chiếm tỷ lệ cao trong tổng số ý kiến khảo sát. Cụ thể, nội dung tuyên truyền và phổ biến các chủ trương, văn bản chỉ đạo của các cấp về GDKNS được 47,8% CBQL và 39,3% GV đánh giá ở mức tốt, đồng thời 34,8% CBQL và 40,5% GV đánh giá ở mức khá.

Bên cạnh đó, việc giúp CBQL, GV và phụ huynh hiểu rõ tầm quan trọng của công tác GDKNS cho trẻ cũng nhận được nhiều ý kiến đánh giá tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ nhất định ý kiến đánh giá ở mức trung bình và yếu, cho thấy công tác tuyên truyền và phổ biến mục tiêu GDKNS chưa thật sự đồng đều. Điều này đòi hỏi các trường mầm non cần tiếp tục tăng cường các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, GV và phụ huynh về vai trò của GDKNS đối với sự phát triển toàn diện của trẻ mẫu giáo.

3.2. Thực trạng quản lý nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non trên địa bàn Phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Nhằm tìm hiểu thực trạng quản lý nội dung GDKNS cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non, chúng tôi đã tiến hành khảo sát ý kiến của CBQL và GV. Kết quả điều tra được tổng hợp và thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về công tác quản lý nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo

Nội dung thực hiện	Ý kiến đánh giá (%)								ĐTB	
	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		CBQL	GV
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV		
Tập huấn phổ biến nội dung các kỹ năng sống cơ bản cần giáo dục trẻ cho GV	39,1	34,5	39,1	40,5	17,4	19,0	4,4	6,0	3,1	3,0
Chỉ đạo GV tăng cường lồng ghép, tích hợp nội dung GDKNS vào các nội dung CSGD trong chương trình giáo dục mầm non	43,5	37,5	39,1	41,1	13,0	17,3	4,4	4,1	3,2	3,1
Chỉ đạo GV lựa chọn những kỹ năng sống đơn giản, gần gũi, thiết thực với cuộc sống của trẻ phù hợp với khả năng, kinh nghiệm của trẻ	47,8	38,7	34,8	40,5	13,0	16,1	4,4	4,7	3,26	3,1
Thường xuyên kiểm tra theo dõi việc thực hiện nội dung GDKNS của GV ở các lớp mẫu giáo	34,8	33,3	39,1	39,9	21,7	20,8	4,4	6,0	3,04	3,0
Đánh giá và góp ý điều chỉnh để thực hiện hiệu quả nội dung GDKNS của GV ở các lớp mẫu giáo	39,1	35,1	39,1	40,5	17,4	19,0	4,4	5,4	3,1	3,1

Kết quả khảo sát cho thấy việc chỉ đạo thực hiện nội dung GDKNS cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non đã được các nhà trường quan tâm triển khai. Phần lớn ý kiến của CBQL

và GV đánh giá các nội dung này ở mức tốt và khá, chiếm tỷ lệ tương đối cao. Cụ thể, nội dung chỉ đạo GV lựa chọn các kỹ năng sống đơn giản, gần gũi và phù hợp với khả năng của trẻ được 47,8% CBQL và 38,7% GV đánh giá ở mức tốt, cho thấy các nhà trường đã chú trọng định hướng GV lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ mẫu giáo.

Bên cạnh đó, việc chỉ đạo GV tăng cường lồng ghép, tích hợp nội dung GDKNS vào các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ trong chương trình giáo dục mầm non cũng nhận được nhiều ý kiến đánh giá tích cực, với tỷ lệ đánh giá ở mức tốt và khá chiếm trên 70% ở cả hai nhóm đối tượng khảo sát. Tuy nhiên, một số nội dung như tập huấn phổ biến các kỹ năng sống cơ bản cho GV hay công tác kiểm tra, theo dõi việc thực hiện GDKNS tại các lớp vẫn còn một tỷ lệ nhất định ý kiến đánh giá ở mức trung bình và yếu. Điều này cho thấy hoạt động chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện nội dung GDKNS tại các trường mầm non chưa thật sự đồng đều và cần được tăng cường hơn nữa nhằm nâng cao hiệu quả GDKNS cho trẻ mẫu giáo.

3.3. Thực trạng quản lý phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non trên địa bàn Phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Để làm rõ thực trạng quản lý việc sử dụng các phương pháp và hình thức GDKNS cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non, chúng tôi đã tiến hành khảo sát ý kiến của CBQL và GV. Kết quả khảo sát được tổng hợp và trình bày trong bảng 3.

Bảng 3. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về công tác quản lý phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo

Nội dung thực hiện	Ý kiến đánh giá (%)								ĐTB	
	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		CBQL	GV
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV		
Tích hợp trong nội dung các hoạt động chăm sóc, giáo dục trong chương trình giáo dục mầm non	43,5	38,1	39,1	41,7	17,4	17,3	0,0	2,9	3,3	3,1
Tạo cơ hội cho trẻ được tham quan, tiếp xúc, quan sát môi trường xã hội gần gũi xung quanh và trải nghiệm các kỹ năng sống	39,1	34,5	43,5	39,9	17,4	21,4	0,0	4,2	3,22	3,05
Tạo cơ hội cho trẻ tập luyện kỹ năng sống	47,8	41,1	34,8	37,5	17,4	18,4	0,0	3,0	3,30	3,17
Tạo cơ hội cho trẻ được tương tác với bạn với cô trong các hoạt động	52,2	45,2	34,8	35,7	13,0	16,1	0,0	3,0	3,39	3,23

Luôn chú ý lắng nghe để hiểu trẻ, tôn trọng, tin tưởng trẻ	47,8	43,5	39,1	36,3	13,1	17,1	0,0	3,0	3,4	3,7
Giúp trẻ vận dụng kiến thức và kỹ năng mới vào các tình huống của cuộc sống thực tế	39,1	33,9	43,5	38,7	17,4	22,0	0,0	5,4	3,2	3,0
Kịp thời khen ngợi, động viên trẻ khi trẻ thể hiện những kỹ năng sống phù hợp	56,5	48,2	30,4	34,5	13,1	15,5	0,0	1,8	3,4	3,29

Kết quả khảo sát cho thấy đa số CBQL và GV đều đánh giá việc hiệu trưởng tổ chức tập huấn và chỉ đạo GV lựa chọn phương pháp, hình thức GDKNS cho trẻ mẫu giáo ở mức tốt và khá chiếm tỷ lệ cao. Đặc biệt, nội dung kịp thời khen ngợi, động viên trẻ khi trẻ thể hiện kỹ năng sống phù hợp và tạo cơ hội cho trẻ tương tác với bạn và cô trong các hoạt động được đánh giá ở mức tốt cao nhất (CBQL lần lượt đạt 56,5% và 52,2%; GV đạt 48,2% và 45,2%). Điều này cho thấy trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục, GV đã chú trọng tạo môi trường giao tiếp tích cực, khuyến khích trẻ tham gia các hoạt động và phát triển kỹ năng sống.

Bên cạnh đó, các nội dung như tạo cơ hội cho trẻ tham quan, trải nghiệm môi trường xã hội và giúp trẻ vận dụng kiến thức, kỹ năng vào các tình huống thực tế có tỷ lệ đánh giá ở mức trung bình cao hơn so với các nội dung khác. Điều này phản ánh việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế cho trẻ ở một số trường còn gặp khó khăn nhất định về điều kiện tổ chức, thời gian cũng như sự phối hợp với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo của hiệu trưởng trong việc định hướng GV lựa chọn phương pháp và hình thức GDKNS cho trẻ mẫu giáo đã được thực hiện khá tốt. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả GDKNS cho trẻ, các nhà trường cần tiếp tục tăng cường các hoạt động trải nghiệm thực tế, tạo nhiều cơ hội hơn để trẻ được vận dụng kỹ năng sống trong các tình huống gần gũi với đời sống hằng ngày.

3.4. Thực trạng quản lý đội ngũ thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non trên địa bàn Phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Bảng 4. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về công tác quản lý đội ngũ thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo

Nội dung thực hiện	Ý kiến đánh giá (%)								ĐTB	
	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		CBQL	GV
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV		
Quản lý viện phân công giảng dạy cho giáo viên										
Phân công hợp lý đúng năng lực cho GV	47,8	42,3	39,1	38,7	13,1	16,7	0,0	2,3	3,4	3,2

Nội dung thực hiện	Ý kiến đánh giá (%)								ĐTB	
	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu			
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV
Công khai sự phân công trong toàn trường	52,2	45,8	34,8	36,3	13,0	15,5	0,0	2,4	3,4	3,3
Quản lý thực hiện kế hoạch, nội dung GDKNS cho trẻ mẫu giáo lồng ghép trong chương trình giáo dục mầm non										
Phối hợp tổ chuyên môn thăm lớp, dự giờ đánh giá chất lượng thực hiện GDKNS của từng GV	43,5	39,3	39,1	38,1	17,4	19,0	0,0	3,6	3,3	3,2
Kịp thời chỉ dẫn, góp ý, điều chỉnh những hạn chế và phát hiện, bồi dưỡng các nhân tố điển hình trong quá trình thực hiện GDKNS cho trẻ mẫu giáo	39,1	34,5	43,5	40,5	17,4	21,4	0,0	3,6	3,2	3,1
Hướng dẫn GV tự đánh giá kết quả thực hiện theo tiêu chuẩn cụ thể.	34,8	31,0	43,5	40,5	21,7	24,5	0,0	4,0	3,1	3,0
Quản lý hoạt động GDKNS cho trẻ trên lớp của giáo viên										
Kiểm tra tính hợp lý, khoa học của kế hoạch lồng ghép GDKNS cho trẻ của GV	39,1	35,1	43,5	39,9	17,4	21,4	0,0	3,6	3,2	3,1
Theo dõi thực hiện giờ lên lớp của GV	47,8	41,7	39,1	38,7	13,1	17,2	0,0	2,4	3,4	3,2
Dự giờ GV theo kế hoạch hay đột xuất	43,5	39,9	39,1	37,5	17,4	19,0	0,0	3,6	3,3	3,1
Quản lý công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực sư phạm của GV về lồng ghép GDKNS vào trong chương trình giáo dục mầm non										
Cử GV tham gia	52,2	46,4	34,8	36,9	13,0	14,9	0,0	1,8	3,4	3,3

Nội dung thực hiện	Ý kiến đánh giá (%)								ĐTB	
	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu			
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV
các lớp tập huấn bồi dưỡng về nội dung GDKNS cho trẻ mẫu giáo										
Tổ chức bồi dưỡng GV về lý thuyết và thực hành	43,5	39,3	39,1	38,7	17,4	19,6	0,0	2,4	3,3	3,1
Tổ chức cho GV tham gia thực hiện các tiết thao giảng, dự giờ đồng nghiệp tham gia các chuyên đề GDKNS do nhà trường, ngành tổ chức.	47,8	42,9	34,8	36,3	17,4	18,4	0,0	2,4	3,3	3,2
Trang bị phong phú nguồn tài liệu về GDKNS và trang bị cho GV có thời gian tự nghiên cứu tài liệu, tự học nâng cao nghiệp vụ sư phạm.	34,8	30,4	39,1	38,7	26,1	26,8	0,0	4,1	3,1	3,0

Kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lý việc phân công giảng dạy cho GV tại các trường mầm non được thực hiện khá tốt. Phần lớn CBQL và GV đều đánh giá nội dung phân công GV phù hợp với năng lực chuyên môn và công khai sự phân công trong toàn trường ở mức tốt và khá chiếm tỷ lệ cao. Điều này cho thấy ban giám hiệu các nhà trường đã quan tâm đến việc bố trí đội ngũ GV một cách hợp lý, tạo điều kiện để GV phát huy năng lực chuyên môn trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục, trong đó có hoạt động GDKNS cho trẻ.

Bên cạnh đó, việc công khai phân công giảng dạy giúp đảm bảo tính minh bạch, tạo sự đồng thuận trong tập thể sư phạm và góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của GV trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ nhỏ ý kiến đánh giá ở mức trung bình, cho thấy ở một số trường việc phân công đôi khi chưa thật sự tối ưu hoặc chưa phát huy đầy đủ thế mạnh của từng GV.

Kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lý việc thực hiện kế hoạch và nội dung GDKNS lồng ghép trong chương trình giáo dục mầm non được các nhà trường quan tâm triển khai. Các hoạt động như phối hợp với tổ chuyên môn thăm lớp, dự giờ để đánh giá chất lượng thực hiện của GV hay kịp thời góp ý, điều chỉnh những hạn chế trong quá trình thực hiện được đánh giá chủ yếu ở mức khá và tốt.

Thông qua hoạt động dự giờ và thăm lớp, ban giám hiệu có thể nắm bắt kịp thời tình

hình thực hiện của GV, từ đó đưa ra những chỉ dẫn phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả GDKNS cho trẻ. Tuy nhiên, nội dung hướng dẫn GV tự đánh giá kết quả thực hiện theo các tiêu chuẩn cụ thể còn có tỷ lệ đánh giá trung bình cao hơn so với các nội dung khác. Điều này cho thấy việc phát huy vai trò tự đánh giá và tự điều chỉnh của GV trong quá trình thực hiện GDKNS vẫn chưa được chú trọng đầy đủ.

Qua kết quả khảo sát có thể thấy rằng công tác quản lý hoạt động GDKNS trên lớp của GV đã được thực hiện khá thường xuyên. Các nội dung như kiểm tra tính hợp lý, khoa học của kế hoạch lồng ghép GDKNS, theo dõi giờ lên lớp của GV và dự giờ theo kế hoạch hoặc đột xuất đều được đánh giá chủ yếu ở mức khá và tốt.

Điều này cho thấy ban giám hiệu các trường mầm non đã quan tâm đến việc giám sát và hỗ trợ GV trong quá trình tổ chức các hoạt động GDKNS cho trẻ. Việc kiểm tra và dự giờ thường xuyên giúp phát hiện kịp thời những khó khăn, hạn chế trong quá trình giảng dạy, đồng thời tạo cơ hội để GV học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ nhỏ ý kiến đánh giá ở mức trung bình, cho thấy việc kiểm tra và theo dõi hoạt động của GV ở một số trường chưa được thực hiện đồng đều hoặc chưa thật sự sâu sát.

Kết quả khảo sát công tác quản lý bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV về GDKNS đã được các nhà trường quan tâm triển khai thông qua nhiều hình thức khác nhau như cử GV tham gia các lớp tập huấn, tổ chức bồi dưỡng lý thuyết và thực hành, tổ chức thao giảng, dự giờ và sinh hoạt chuyên đề. Các nội dung này được đa số CBQL và GV đánh giá ở mức khá và tốt, thể hiện sự quan tâm của nhà trường trong việc nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ GV.

Tuy nhiên, nội dung trang bị tài liệu và tạo điều kiện cho GV tự nghiên cứu, tự học nâng cao nghiệp vụ còn có tỷ lệ đánh giá trung bình tương đối cao. Điều này cho thấy nguồn tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu về GDKNS hoặc thời gian dành cho hoạt động tự học của GV vẫn còn hạn chế. Vì vậy, trong thời gian tới, các nhà trường cần tiếp tục quan tâm hơn nữa đến việc cung cấp tài liệu chuyên môn, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để GV có thể chủ động nghiên cứu và nâng cao năng lực sư phạm trong GDKNS cho trẻ mẫu giáo.

3.5. Thực trạng quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non trên địa bàn Phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Bảng 5. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo

Nội dung thực hiện	Ý kiến đánh giá (%)								ĐTB	
	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu			
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV
Kiểm tra, đánh giá công tác GDKNS của giáo viên										
Xây dựng được tiêu chí đánh giá	56,5	53,6	30,4	29,8	13,1	13,1	0,0	3,5	3,4	3,3
Xác định được hình thức kiểm tra	52,2	50,0	34,8	31,0	13,0	15,5	0,0	3,5	3,4	3,3
Tổng kết đánh giá, xếp loại từ đó	47,8	47,6	39,1	32,7	13,1	15,5	0,0	4,2	3,4	3,2

Nội dung thực hiện	Ý kiến đánh giá (%)								ĐTB	
	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu			
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV
khen, chê kịp thời và có những điều chỉnh hợp lý										
Kiểm tra đánh giá sự phát triển về các kỹ năng sống của trẻ mẫu giáo										
Đánh giá kết quả kỹ năng sống trẻ đạt được hằng ngày, cuối chủ đề và cuối độ tuổi của GV	52,2	51,2	34,8	31,0	13,0	14,9	0,0	2,9	3,4	3,3
Kiểm tra đối chiếu kết quả đánh giá của GV so với thực tế	43,5	45,8	39,1	33,9	17,4	16,7	0,0	3,6	3,3	3,2

Kết quả khảo sát cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDKNS (GDKNS) trong các trường mầm non được thực hiện tương đối tốt và nhận được nhiều ý kiến đánh giá tích cực từ cả CBQL và GV. Ở nội dung xây dựng tiêu chí đánh giá hoạt động GDKNS, tỷ lệ đánh giá tốt chiếm khá cao với 56,5% CBQL và 53,6% GV, cho thấy các nhà trường đã bước đầu xây dựng được hệ thống tiêu chí làm căn cứ cho việc kiểm tra và đánh giá hoạt động GDKNS.

Đối với nội dung xác định hình thức kiểm tra, có 52,2% CBQL và 50,0% GV đánh giá ở mức tốt, trong khi tỷ lệ đánh giá khá cũng chiếm tỷ lệ đáng kể. Điều này phản ánh các trường đã áp dụng nhiều hình thức kiểm tra như dự giờ, quan sát hoạt động, kiểm tra hồ sơ, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động GDKNS.

Ở nội dung tổng kết, đánh giá và xếp loại GV sau kiểm tra, tỷ lệ đánh giá tốt có xu hướng thấp hơn so với hai nội dung trên. Điều này cho thấy việc tổng kết và sử dụng kết quả kiểm tra để khen thưởng hoặc điều chỉnh hoạt động giáo dục đôi khi chưa được thực hiện thật sự thường xuyên và hiệu quả.

Đối với nội dung kiểm tra, đánh giá sự phát triển kỹ năng sống của trẻ mẫu giáo, phần lớn ý kiến cho rằng GV đã thực hiện việc đánh giá kết quả kỹ năng sống của trẻ hằng ngày, cuối chủ đề và cuối độ tuổi khá tốt. Tuy nhiên, ở nội dung kiểm tra, đối chiếu kết quả đánh giá của GV so với thực tế, tỷ lệ đánh giá tốt thấp hơn, cho thấy hoạt động đối chiếu, kiểm chứng kết quả đánh giá của GV vẫn cần được chú trọng hơn.

Nhìn chung, công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDKNS trong trường mầm non đã được triển khai tương đối đầy đủ, góp phần nâng cao chất lượng GDKNS cho trẻ. Tuy nhiên, việc sử dụng kết quả kiểm tra để điều chỉnh hoạt động giáo dục và tăng cường kiểm chứng kết quả đánh giá của GV vẫn cần được quan tâm hơn, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trong thời gian tới.

3.6. Thực trạng quản lý các điều kiện và phương tiện thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non trên địa bàn Phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

Bảng 6. Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về các điều kiện và phương tiện thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo

Nội dung thực hiện	Ý kiến đánh giá (%)								ĐTB	
	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		CBQL	GV
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV		
Quản lý ngân sách, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu phục vụ hoạt động GDKNS										
Lập kế hoạch xây dựng và phát triển cơ sở vật chất phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Đảm bảo đầy đủ tài liệu phục vụ giảng dạy và tham khảo	60,9	57,1	26,1	28,6	13,0	11,3	0,0	3,0	3,5	3,4
Tổ chức việc bảo quản và khai thác có hiệu quả các thiết bị dạy học	56,5	53,6	30,4	29,8	13,1	13,1	0,0	3,5	3,4	3,3
Quản lý công tác thi đua khen thưởng trong GV về công tác GDKNS cho trẻ mẫu giáo										
Xây dựng nội dung, thang điểm thi đua khoa học hợp lý	47,8	46,4	39,1	33,9	13,1	15,5	0,0	4,2	3,4	3,2
Thành lập quỹ khen thưởng	43,5	42,3	39,1	35,7	17,4	17,9	0,0	4,1	3,3	3,2
Phát động phong trào thi đua và tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng kịp thời, đảm bảo chính xác, công bằng	52,2	50,0	34,8	32,1	13,0	14,9	0,0	3,0	3,4	3,3
Quản lý công tác xây dựng môi trường sư phạm, an toàn, thân thiện										
Xây dựng sự đoàn kết nhất trí, quan hệ thân ái giữa các tổ chức cá nhân trong nhà trường	65,2	58,3	26,1	27,4	8,7	11,3	0,0	3,0	3,6	3,4
Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, an toàn	69,6	60,7	21,7	26,2	8,7	10,7	0,0	2,4	3,6	3,5

Kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lý các điều kiện phục vụ hoạt động GDKNS trong các trường mầm non được thực hiện khá tốt. Đối với nội dung quản lý ngân sách, cơ sở

vật chất, trang thiết bị và tài liệu phục vụ hoạt động giáo dục, đa số ý kiến của CBQL và GV đều đánh giá ở mức tốt và khá. Cụ thể, nội dung lập kế hoạch xây dựng và phát triển cơ sở vật chất phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ có tỷ lệ đánh giá tốt đạt 60,9% ở CBQL và 57,1% ở GV, cho thấy các nhà trường đã quan tâm đến việc đầu tư cơ sở vật chất và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết cho hoạt động GDKNS.

Đối với nội dung tổ chức bảo quản và khai thác hiệu quả các thiết bị dạy học, tỷ lệ đánh giá tốt của CBQL đạt 56,5% và của GV đạt 53,6%, chứng tỏ việc quản lý và sử dụng thiết bị dạy học trong các trường đã được thực hiện tương đối hiệu quả. Tuy nhiên vẫn còn một tỷ lệ nhỏ ý kiến đánh giá ở mức trung bình, cho thấy ở một số nơi việc khai thác thiết bị chưa thật sự phát huy hết hiệu quả.

Trong nội dung quản lý công tác thi đua, khen thưởng, tỷ lệ đánh giá tốt có xu hướng thấp hơn so với các nội dung khác. Đặc biệt, nội dung thành lập quỹ khen thưởng chỉ đạt 43,5% CBQL và 42,3% GV đánh giá tốt. Điều này cho thấy công tác động viên, khuyến khích GV tham gia tích cực vào hoạt động GDKNS tuy đã được quan tâm nhưng vẫn cần được tăng cường hơn nữa.

Đối với quản lý xây dựng môi trường sư phạm an toàn, thân thiện, kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ đánh giá tốt khá cao. Nội dung xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, an toàn có tỷ lệ đánh giá tốt cao nhất với 69,6% CBQL và 60,7% GV. Điều này chứng tỏ các nhà trường đã chú trọng xây dựng môi trường giáo dục tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển toàn diện của trẻ.

Nhìn chung, công tác quản lý các điều kiện phục vụ hoạt động GDKNS trong trường mầm non đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đặc biệt trong việc xây dựng môi trường giáo dục và đầu tư cơ sở vật chất. Tuy nhiên, công tác thi đua khen thưởng và việc khai thác hiệu quả trang thiết bị dạy học vẫn cần được quan tâm hơn, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng GDKNS cho trẻ mẫu giáo.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác quản lý hoạt động GDKNS cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non trên địa bàn phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong quản lý mục tiêu, nội dung, phương pháp, đội ngũ, kiểm tra đánh giá và các điều kiện bảo đảm. Các nhà trường đã quan tâm tổ chức, chỉ đạo và triển khai hoạt động GDKNS tương đối đồng bộ, góp phần nâng cao nhận thức và năng lực thực hiện của đội ngũ GV. Tuy nhiên, một số nội dung như công tác kiểm tra, bồi dưỡng chuyên môn, tổ chức hoạt động trải nghiệm và khai thác điều kiện hỗ trợ GDKNS vẫn còn những hạn chế nhất định. Vì vậy, các trường mầm non cần tiếp tục đổi mới công tác quản lý, tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội nhằm nâng cao hiệu quả GDKNS cho trẻ mẫu giáo trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2010). *Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2010 ban hành Quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 ban hành Chương trình giáo dục mầm non.*

- Lục, T. N. (2009). *Dạy học tích hợp kỹ năng sống vào môn khoa học và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, T. B. (2006). *Giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam*. Nhà in Thống nhất.
- Nguyễn, T. B. (2007). *Giáo trình chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống*. NXB Đại học Sư phạm.
- Quốc hội. (2016). *Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ban hành ngày 05 tháng 4 năm 2016*.
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2019*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2024). *Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024, phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- UNICEF. (1996). *Life skills education for children and adolescents in schools*. United Nations Children's Fund.
- World Health Organization (WHO). (1997). *Life skills education for children and adolescents in schools*. World Health Organization.